

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2018/HS-ST

Ngày: 20-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hòa Bình;

Bà Nguyễn Thị Chúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 20 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2018/HSST ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc H; tên gọi khác: Nô; sinh ngày 30/3/1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường ĐVB, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: đường B, phường Q, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc D và bà Nguyễn Thị Th; có vợ và 01 con năm 2013; tiền án - tiền sự: không; bị cáo bị bắt phạm tội quả tang và tạm giam từ ngày 30/3/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1968; địa chỉ: đường BTĐ, phường BTĐ A, quận T, TP Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Thu L sinh năm 1989; địa chỉ: đường TĐ, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 20 phút ngày 30/3/2018 trước chợ Tân Quy, Khu phố H, phường Q, Quận X. Đội cảnh sát điều tra về tội phạm Ma túy - Công an Quận X tuần tra phát hiện bắt quả tang Phạm Ngọc H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của H đang mặc 01 gói nylon chứa tinh thể không màu và trong túi quần phía sau bên trái của H có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu.

Tại cơ quan điều tra, H khai nhận sử dụng ma túy khoảng nửa tháng, số ma túy công an thu giữ là H mua của một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) tại Công viên đường S, Phường B, Quận B với giá 1.500.000 đồng, trên đường mang ma túy về Quận X để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Theo Kết quả giám định số 673/KLGD-H ngày 04/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh: Tinh thể không màu trong 02 gói nylon được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Huỳnh Văn Ph (Điều tra viên), Lê Văn T (người chứng kiến), Phạm Ngọc H và hình dấu Công an phường Q, Quận X (ký hiệu mẫu m) giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,5041g, loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) gói ma túy niêm phong số vụ 673/2018/Q7.

+ 01 xe gắn máy biển số 51N3-6469, nhãn hiệu PASSING màu đỏ đen, số máy 006189-FMHA, số khung 006189-UM7X do Nguyễn Thị Tuyết V đứng tên chủ sở hữu, năm 2008 bà V bán xe cho Trần Thị Thu L là vợ bị cáo H với giá 3.500.000 đồng, không làm giấy tờ sang tên. Ngày 30/3/2018 H mượn xe đi công việc rồi làm phương tiện phạm tội, bà L không biết.

+ 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen trắng, Imei: 352242020230464 thu giữ của bị cáo Hải.

Bản Cáo trạng số 86/CT-VKSQ7 ngày 10/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân Quận X đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 294; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy gói ma túy niêm phong số vụ 673/2018/Q7, trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen trắng, Imei: 352242020230464, trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu L chiếc xe gắn máy nhãn hiệu PASSING màu đỏ đen; biển số 51N3-6469.

Tại phiên Tòa, bị cáo khai nhận do bị nghiện ma túy nên đi mua ma túy cất giấu trong túi quần mang về sử dụng, chiếc xe gắn máy nhãn hiệu PASSING màu đỏ đen biển số 51N3-6469 là bị cáo mượn của bà L để đi công việc, bà L không biết bị cáo sử dụng đi mua ma túy, lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng viện kiểm sát nhân dân Quận X đã truy tố, không tự bào chữa, không tranh luận và thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo đã thực hiện hành vi đi mua và cất giấu để sử dụng 02 gói ma túy theo Kết luận giám định số 673/KLGĐ-H ngày 04/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh là ma túy ở thể rắn có khối lượng 2,5041g. Do đó, đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm, vì tội phạm về ma túy gây tác hại lớn cho con người và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, nên cần có mức án nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo nghiện ma túy, phạm tội tàng trữ để sử dụng nên miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[5] Xử lý vật chứng vụ án:

+ Tịch thu tiêu hủy gói ma túy còn nguyên niêm phong số vụ 673/2018/Q7

+ 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen trắng, Imei: 352242020230464 là tài sản riêng của bị cáo H không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu L chiếc xe gắn máy biển số 51N3-6469, nhãn hiệu PASSING màu đỏ đen, số máy 006189-FMHA, số khung 006189-UM7X.

[6] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: bị cáo Phạm Ngọc H 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2018.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy gói ma túy còn nguyên niêm phong số vụ 673/2018/Q7

Trả lại bị cáo Hải 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen trắng, Imei: 352242020230464.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu L chiếc xe gắn máy biển số 51N3-6469, nhãn hiệu PASSING màu đỏ đen, số máy 006189-FMHA, số khung 006189-UM7X.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 91 ngày 28/6/2018)

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (Tk Dương).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Phơ